ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Số: 20 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định về phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với cá nhân, đơn vị thuộc Trường Đại học Hồng Đức

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức nhiệm kỳ 2019-2024;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức tại Tờ trình số 288/TTr-ĐHHĐ ngày 8/11/2022 về việc Quy định phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với cá nhân, đơn vị trong Trường Đại học Hồng Đức; Căn cứ ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng Trường tại phiên họp ngày 30 tháng 11 năm 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với cá nhân, đơn vị thuộc Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Lê Viết Báu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với cá nhân, đơn vị trong Trường Đại học Hồng Đức

(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 20 /NQ-HĐT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với cá nhân, đơn vị trong Trường Đại học Hồng Đức, cụ thể gồm: Nguyên tắc phân quyền, phạm vi phân quyền, nội dung phân quyền; điều kiện tiếp nhận yêu cầu giải trình; quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giải trình và người giải trình; trình tự, thủ tục của việc giải trình và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định về trách nhiệm giải trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phân quyền* là việc trao quyền cho các đơn vị, cá nhân trong Trường Đại học Hồng Đức trong việc quyết định và chịu trách nhiệm về các quyết định đối với các hoạt động của mình và phải đảm bảo các nguyên tắc của phân quyền theo các quy định của pháp luật.

2. *Quyền tự chủ* là quyền được tổ chức, quản lý các hoạt động của cá nhân, đơn vị một cách chủ động, tích cực, sáng tạo nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. *Trách nhiệm giải trình* là việc đơn vị, tổ chức, cá nhân trong Trường có trách nhiệm báo cáo, giải thích, làm rõ, minh bạch các thông tin về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với người học, lãnh đạo đơn vị, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan.

4. *Người yêu cầu giải trình* là cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường có yêu cầu Nhà trường, người có thẩm quyền giải trình về những nội dung liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

5. *Người giải trình* bao gồm:

a) Người đứng đầu đơn vị, tổ chức thực hiện trách nhiệm giải trình đối với nội dung yêu cầu giải trình thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

b) Cá nhân viên chức được lãnh đạo Trường, lãnh đạo đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, lãnh đạo tổ chức đoàn thể của Trường phân công nhiệm vụ thực hiện trách nhiệm giải trình đối với nội dung yêu cầu giải trình thuộc chức trách, nhiệm vụ của cá nhân được cơ quan, tổ chức, đơn vị phân công.

Điều 3. Nguyên tắc phân quyền

1. Việc phân quyền phải gắn với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân; không chồng chéo; phải gắn trách nhiệm với cá nhân, đơn vị chịu trách nhiệm chính.

2. Hiệu trưởng thống nhất quản lý chung tất cả các hoạt động của Trường; đồng thời phân quyền cho các phó hiệu trưởng, trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường thực hiện một số nội dung thuộc phạm vi quyền hạn được giao theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

3.Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường phân quyền cho phó trưởng đơn vị và Trưởng Bộ môn thực hiện một số nội dung thuộc phạm vi quyền hạn được giao phù hợp với năng lực cá nhân và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, bộ môn.

4. Việc phân quyền phải đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính năng động, linh hoạt, tự chủ, đồng thời xác định trách nhiệm của đơn vị và người đứng đầu đơn vị trước lãnh đạo cấp trên trong việc thực hiện phạm vi, thẩm quyền, nội dung được phân cấp.

5. Phân quyền phải gắn với quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cá nhân; phải gắn với công tác kiểm tra, giám sát; sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ quyền hạn; không để xảy ra tình trạng phó thác, buông lỏng quản lý, rời rạc, tập quyền, trong thực thi quyền hạn.

Điều 4. Nguyên tắc giải trình và áp dụng pháp luật về trách nhiệm giải trình

1. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình phải tuân theo những nguyên tắc sau đây:

a) Đơn vị, cá nhân được phân quyền nhiệm vụ nào thì phải có trách nhiệm giải trình nội dung liên quan đến nhiệm vụ đó.

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời và đúng thẩm quyền.

c) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

2. Việc áp dụng các quy định về trách nhiệm giải trình thực hiện theo quy định nội bộ này. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước có quy định về trách nhiệm giải trình thì áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 5. Điều kiện tiếp nhận yêu cầu giải trình

1. Cá nhân yêu cầu giải trình phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hoặc thông qua người đại diện hợp pháp; cơ quan, tổ chức yêu cầu giải trình phải thông qua người đại diện hợp pháp.

2. Nội dung yêu cầu giải trình liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải trình khi những quyền lợi hợp pháp đó bị thiệt hại do trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, đơn vị gây ra trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Trường hợp lãnh đạo cấp trên yêu cầu giải trình để làm rõ vấn đề trong thực hiện nhiệm vụ chung của cơ quan, tổ chức thì người đứng đầu đơn vị đơn vị, tổ chức được yêu cầu phải có trách nhiệm giải trình hoặc yêu cầu cấp dưới thực hiện việc giải trình.

4. Nội dung yêu cầu giải trình thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý, thực hiện của cơ quan, đơn vị, cá nhân được yêu cầu.

5. Yêu cầu giải trình phải thể hiện bằng hình thức văn bản.

6. Nội dung giải trình: bằng văn bản.

Điều 6. Những nội dung không thuộc phạm vi trách nhiệm giải trình

Người giải trình không có trách nhiệm giải trình đối với các nội dung sau:

1. Nội dung thông tin liên quan đến bí mật nhà nước;

2. Những nội dung liên quan đến việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong nội bộ đơn vị mà chưa ban hành; trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới;

3. Nội dung thông tin thuộc bí mật đời tư;

4. Nội dung thông tin thuộc bí mật kinh doanh;

5. Các nội dung đã được giải trình hoặc đã và đang được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết.

Điều 7. Những trường hợp được từ chối yêu cầu giải trình

1. Không đủ điều kiện tiếp nhận yêu cầu giải trình được quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Nội dung yêu cầu giải trình thuộc trường hợp quy định tại Điều 6 Quy định này; Nội dung đã được giải trình hoặc đã được thụ lý giải quyết, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng.

3. Người yêu cầu giải trình đang trong tình trạng không làm chủ được hành vi do dùng chất kích thích hoặc có hành vi gây rối trật tự, đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người tiếp nhận yêu cầu giải trình.

4. Người được ủy quyền, người đại diện không có giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quy định cấm trong yêu cầu giải trình và thực hiện giải trình

1. Cá nhân, tổ chức, đơn vị không được lợi dụng, lạm dụng quyền dân chủ trong yêu cầu cung cấp thông tin, quyền hạn, chức vụ trong quản lý điều hành để có hành vi yêu cầu giải trình trái quy định pháp luật và quy định nội bộ của trường vì mục đích cá nhân.

2. Cá nhân, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm phải thực hiện trách nhiệm giải trình theo đúng quy định; không thoái thác trách nhiệm giải trình.

3. Những trường hợp vi phạm các quy định cấm tại điều này và quy định về những nội dung không thuộc phạm vi trách nhiệm giải trình sẽ bị xử lý kỷ luật bằng những hình thức kỷ luật do pháp luật quy định và theo quy định của trường.

Chương II
NỘI DUNG PHÂN QUYỀN TỰ CHỦ

Điều 9. Phân quyền tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn

1. Hội đồng trường

Hội đồng trường thực hiện quyền tự chủ về học thuật và chuyên môn, bao gồm:

a) Quyết định phương hướng tuyển sinh, chủ trương mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo; Quyết định phương hướng hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; Ban hành chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục; Quyết định hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động;

b) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường và các quy định khác có liên quan.

2. Hiệu trưởng

Hiệu trưởng thực hiện quyền tự chủ về chuyên môn học thuật, bao gồm:

a) Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, học thuật, hợp tác trong nước, quốc tế;

b) Tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo, quyết định mở ngành đào tạo; Tổ chức xây dựng đề án, quyết định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm sau khi có chủ trương của Hội đồng trường;

c) Tổ chức thi, xét tuyển sinh các bậc, hệ theo đề án tuyển sinh;

d) Cấp, phát văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 14, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Khoản 1, Điều 13, Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường và các quy định khác có liên quan.

3. Các Phó Hiệu trưởng: Thực hiện phân quyền tự chủ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, sự phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các quy định khác có liên quan.

4. Trưởng, phó các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường: Thực hiện phân quyền tự chủ theo quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc hiện hành của Nhà trường và các quy định khác có liên quan. Phó đơn vị thực hiện phân quyền tự chủ theo sự phân công nhiệm vụ của trưởng đơn vị.

5. Trưởng bộ môn: Thực hiện phân quyền tự chủ theo quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, sự phân công nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị và các quy định khác có liên quan.

6. Giảng viên, giáo viên: Thực hiện phân quyền tự chủ theo quy định tại Quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy đại học, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên của Nhà trường, sự phân công nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị, trưởng bộ môn và các quy định khác có liên quan.

7. Các cá nhân khác: Thực hiện phân quyền tự chủ theo sự phân công nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị và các quy định khác có liên quan.

Điều 10. Phân quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự

1. Hội đồng trường

Hội đồng trường thực hiện quyền tự chủ về tổ chức và nhân sự, bao gồm:

a) Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;

b) Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc; Ban hành Danh mục vị trí việc làm quy định cụ thể tiêu chuẩn của các chức danh lãnh đạo, quản lý, viên chức, người lao động của từng vị trí.

d) Ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức, người lao động trong Nhà trường;

đ)Thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường và các quy định khác có liên quan.

2. Hiệu trưởng

Hiệu trưởng thực hiện quyền tự chủ về tổ chức và nhân sự, bao gồm:

a) Tổ chức xây dựng các đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc trường;

b) Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi giữ chức vụ trưởng, phó các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; Giao trách nhiệm, miễn trách nhiệm đối với trưởng, phó bộ môn;

c) Tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc, xây dựng khung năng lực cho từng vị trí việc làm, trình Hội đồng trường thông qua trước khi đề nghị chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

d) Tổ chức tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động trong Trường;

đ) Ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động;

e) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 14, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Khoản 2, Điều 13, Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường và các quy định khác có liên quan.

3. Các Phó Hiệu trưởng

Các Phó Hiệu trưởng thực hiện phân quyền tự chủ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, sự phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các quy định khác có liên quan.

4. Trưởng, phó các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường

Trưởng các đơn vị trong Trường thực hiện phân quyền tự chủ theo quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc hiện hành của Nhà trường và các quy định khác có liên quan. Phó đơn vị thực hiện phân quyền tự chủ theo sự phân công nhiệm vụ của trưởng đơn vị.

5. Các cá nhân khác

Các cá nhân khác trong Trường thực hiện phân quyền tự chủ theo sự phân công nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị và các quy định khác có liên quan.

Điều 11. Phân quyền tự chủ trong tài chính và tài sản

1. Hội đồng trường

Hội đồng thực hiện quyền tự chủ về tài chính, tài sản, bao gồm:

a) Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát tiển trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học;

b) Quyết định chủ trương đầu và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Trường theo quy chế tổ chức và hoạt động và quy chế tài chính của Trường;

c) Quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường theo kết quả, hiệu quả công việc;

d) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường; Quy chế tài chính và các quy định khác có liên quan.

2. Hiệu trưởng

Hiệu trưởng thực hiện quyền tự chủ về tài chính, tài sản, bao gồm:

a) Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Nhà trường;

b) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường;

c) Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở quy chế tài chính đã được phê duyệt;

d) Tổ chức thực hiện các hoạt động tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động, nghị quyết của Hội đồng trường;

đ) Quyết định đàu tư và sử dụng tài sản có giá trị thuộc thẩm quyền theo Quy định;

e) Thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động;

g) Thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Khoản 14, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Khoản 3, Điều 13, Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường; Quy chế tài chính và các quy định khác có liên quan.

3. Các Phó Hiệu trưởng: Thực hiện phân quyền tự chủ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, sự phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các quy định khác có liên quan.

4. Trưởng, phó các đơn vị thuộc và trực thuộc: Thực hiện phân quyền tự chủ theo quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc hiện hành của Nhà trường; Quy chế tài chính và các quy định khác có liên quan. Phó đơn vị thực hiện phân quyền tự chủ theo sự phân công nhiệm vụ của trưởng đơn vị.

5. Các cá nhân khác: Thực hiện phân quyền tự chủ theo sự phân công nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị và các quy định khác có liên quan.

Chương III
TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Điều 12. Nội dung và trách nhiệm giải trình

1. Hội đồng trường: Hội đồng trường chịu trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường được quy định trong Luật Giáo dục đại học; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường và các quy định khác có liên quan.

2. Nhà trường: Nhà trường có trách nhiệm giải trình các nội dung theo quy định tại Khoản 17, Điều 1, Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Khoản 4, Điều 13, Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường.

3. Các đơn vị và cá nhân trong Trường: Các đơn vị, cá nhân trong trường có trách nhiệm giải trình những nội dung trong phạm vi được phân quyền tự chủ được quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy định này; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Nhà trường; Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc; Quy chế tài chính và các quy định khác có liên quan.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giải trình

1. Quyền của người yêu cầu giải trình: Người yêu cầu giải trình có quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Nghĩa vụ của người yêu cầu giải trình: Người yêu cầu giải trình có nghĩa vụ được quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người có trách nhiệm giải trình

1. Quyền của người có trách nhiệm giải trình: Người có trách nhiệm giải trình có quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Nghĩa vụ của người có trách nhiệm giải trình: Người có trách nhiệm giải trình có nghĩa vụ được quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 15. Yêu cầu giải trình

1. Yêu cầu giải trình bằng văn bản: Yêu cầu giải trình bằng văn bản được quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Yêu cầu giải trình trực tiếp: Yêu cầu giải trình bằng văn bản được quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 16. Tiếp nhận yêu cầu giải trình

Việc tiếp nhận yêu cầu giải trình được quy định tại Điều 11 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 17. Thực hiện việc giải trình

1. Đối với yêu cầu giải trình trực tiếp: Nếu yêu cầu giải trình có nội dung đơn giản thì người giải trình có thể thực hiện giải trình trực tiếp theo yêu cầu. Việc giải trình trực tiếp phải được lập thành biên bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên.

2. Đối với yêu cầu giải trình bằng văn bản: Người giải trình phải thực hiện đúng quy trình sau:

a) Nghiên cứu nội dung yêu cầu giải trình;

b) Thu thập, xác minh thông tin có liên quan;

c) Làm việc trực tiếp với người yêu cầu giải trình để làm rõ những nội dung có liên quan khi thấy cần thiết. Nội dung làm việc được lập thành biên bản có chữ ký của các bên;

đ) Gửi văn bản giải trình đến người yêu cầu giải trình. Trong trường hợp cần thiết thì công bố công khai văn bản giải trình theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung văn bản giải trình: Được quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 18. Thời hạn thực hiện việc giải trình

Thời hạn thực hiện việc giải trình được quy định tại Điều 13 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 19. Tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải trình theo yêu cầu

Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải trình được quy định tại Điều 14 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện

1. Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị có trách nhiệm triển khai quy định này đến các tổ chức, đơn vị trong Trường; theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy định của các tổ chức, đơn vị.

2. Trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể có trách nhiệm tổ chức triển khai, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra viên chức, lao động thuộc quyền quản lý thực hiện hiện nghiêm túc quy định này và xử lý hoặc đề nghị Hiệu trưởng xem xét xử lý trong trường hợp vi phạm quy định.

3. Phòng Thanh tra - Pháp chế: có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình của đơn vị, tổ chức, cá nhân khi có chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Điều 21. Xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về trách nhiệm giải trình

Cá nhân, tổ chức, người đứng đầu tổ chức, đơn vị không chấp hành nghiêm quy định về thực hiện trách nhiệm giải trình theo các quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức, lao động./.

***Nơi nhận*:**
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, HĐT.

T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

PGS.TS. Lê Viết Báu